TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2021
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái;

2. Ông Lê Quốc Dũng.

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị Kim L,** sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T,** sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Trần Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị Kim L trình bày: Vào năm 1999 chị và anh Trần Văn T có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xãy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ con, chị đã khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng anh T không nghe. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, nên chị quyết định ly hôn với anh Trần Văn T.

Quá trình chung sống chị và anh T có với nhau 02 con chung tên : Trần Thị Kim L2, sinh ngày 16-7-2000 và Trần Thị Kim X, sinh ngày 10-10-2002, hiện nay các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung : Quá trình chung sống chị và anh T không tạo dựng được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Thị Kim L có *yêu cầu:*

- Về hôn nhân : Xin được ly hôn với anh Trần Văn T

- Về con chung : Chị L xác nhận hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16-3-2021 và trong quá trình làm việc tại Tòa án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-4-2021 bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng nhưng về nguyên nhân mâu thuẩn thì anh T trình bày : Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ anh đi lên thành phố làm ăn anh đã không đồng ý cho đi nhưng chị L vẫn cương quyết đi. Trong thời gian lên thành phố thỉnh thoảng chị L mới về thăm nhà nhưng có thái độ lạnh nhạt với anh dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt và anh cũng thừa nhận vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Nay chị L yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Thị Kim L , anh yêu cầu được hàn gắng đoàn tụ gì vẫn còn thường vợ con.

- Về con chung: Anh T xác nhận hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 03-3-2021 chị Thị Kim L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn T. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn anh Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị Kim L và anh Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 1999 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn với chị L, xin hàn gắn. HĐXX xét thấy do chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là không T thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như

vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Thị Kim L và anh Trần Văn T là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị Thị Kim L và anh Trần Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung tên: Trần Thị Kim L2, sinh ngày 16-7-2000 và Trần Thị Kim X, sinh ngày 10-10-2002, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Thị Kim L và anh Trần Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị Thị Kim L và anh Trần Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Thị Kim L là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Kim L và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: ChịThị Kim L và anh Trần Văn T xác nhận hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Thị Kim L và anh Trần Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Thị Kim L và anh Trần Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Thị Kim L chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001555 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; Chị L không phải nộp thêm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Chị Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.